TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST Ngày: 15-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Th Ch, sinh năm 1972. Thường trú: thôn C, xã C, huyện Ph, Thành phố Hà Nội. Tạm trú: đường Đoàn Thị K, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Trí Th, sinh năm 1973. Thường trú: thôn C, xã C, huyện Ph, Thành phố Hà Nội. Tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/4/2023, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Dương Th Ch trình bày:

Bà Dương Th Ch và ông Vũ Trí Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ph, Thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2002, quyển số 01 ngày 10/01/2002). Sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2006

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Th thường xuyên bỏ nhà đi uống rượu, bia với bạn bè, về nhà thì tìm cách kiếm chuyện đánh bà Ch. Mặc dù nhiều lần bà Ch và gia đình khuyên nhủ nhưng ông Th vẫn không thay đổi dẫn đến gia đình luôn căng thẳng, ông Th sống không có trách nhiệm với gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà Ch đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay, ông Th đang sống tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, còn bà Ch và cháu Vũ Thị Th, sinh ngày 31/12/2001 và cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005 đang sinh sống tại số 160/25/12, đường Đoàn Thị Kia, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà Ch đang làm công nhân công ty gỗ thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung cháu Vũ Thị Th, sinh ngày 31/12/2001 và cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005, cháu Vũ Thị Th đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nay, bà Ch không còn tình cảm gì đối với ông Th, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, sống ly thân đã nhiều năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Trí Th.

2. Về con chung: Bà Dương Th Ch yêu cầu được nuôi con chung cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005, không yêu cầu ông Vũ Trí Th phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Vũ Trí Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến: Ông Th thống nhất với lời trình bày của bà Ch về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, con chung, về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay, ông Th không còn tình cảm gì đối với bà Ch nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Th và bà Ch được ly hôn. Về con chung: đồng ý giao con chung cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005 cho bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông Th và bà Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông Th là trầm trọng, không hàn

gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Th Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Dương Th Ch khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Vũ Trí Th. Hiện nay, ông Th đang sinh sống và đăng ký tạm trú tại số 2/6, khu phố Tân Phước, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Th Ch và bị đơn ông Vũ Trí Th vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Th Ch và ông Vũ Trí Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ph, Thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2002, quyển số 01 ngày 10/01/2002) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Ch và ông Th xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay, hai vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, cùng nhau vun đắp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Đây cũng là nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông Th đã trầm trọng nên việc bà Ch yêu cầu ly hôn với ông Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Vũ Thị Th, sinh ngày 31/12/2001 và cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005. Hiện nay cháu Vũ Thị Th đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Ch yêu cầu được nuôi con chung cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005, không yêu cầu ông Vũ Trí Th phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T1 đang sống chung với bà Ch, bà Ch có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T1 phát triển bình thường. Ngoài ra, cháu T1 có nguyện vọng sống chung với bà Ch. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Th Ch đối với bị đơn ông Vũ Trí Th về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Th Ch được ly hôn với ông Vũ Trí Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2002, quyển số 01 ngày 10/01/2002 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ph, Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/01/2002)

- Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Nhật T1, sinh ngày 17/12/2005 cho bà Dương Th Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Vũ Trí Th không phải phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Th Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006295 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyên